

Escucha el audio y elige la respuesta correcta.

1. 田中喜欢什么?

Tiánzhōng

A) 听音乐

B) 运动

C) 看书

2. 田中喜欢打网球吗?

A) 喜欢

B) 不喜欢

C) 不知道

3. 安同常做什么?

Āntóng cháng zuò

A) 打棒球

B) 游泳

C) 打篮球和踢足球

踢足球 → tī zúqiú

游泳 → yóuyóǒng

网球 → wǎngqiú

棒球 → bàngqiú

篮球 → lánqiú

听音乐 → tīng yīnyuè

运动 → yùndòng

4. 谁觉得踢足球很好玩?

Shéi juéde

hǎowán

A) 安同

B) 田中

C) 两个人

5. 他们什么时候去踢足球?

cuándō

shénme shíhou qù

A) 下午

B) 晚上

C) 早上

LIVEWORKSHEETS